TÒA ÁN ND HUYỆN TRIỆU SƠN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HS-ST
Ngày: 16 - 4- 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Hùng và bà Lê Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đào Hải Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2025/TLST-HS, ngày 24/3/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2025/QĐXXST-HS, ngày 03 tháng 4 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Lê Viết D – Sinh năm 1992; Số CCCD: 038092028524

Nơi ĐKNKTT: Phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Viết V, sinh năm 1946 và bà Mai Thị L, sinh năm 1953; Gia đình có 6 anh em, bị cáo là con thứ năm; bị cáo chưa có vợ.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 29/9/2024 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại T, Trại tạm giam công an tỉnh T. Có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn P – Sinh năm 1993; Số CCCD: 038093005339

Nơi ĐKNKTT: Thôn B, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn R (đã chết) và bà Lê Thị G, sinh năm 1948; Gia đình có 5 chị em, bị cáo là con thứ 4; bị cáo chưa có vợ.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 29/9/2024 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại T, Trại tạm giam công an tỉnh T. Có mặt tại phiên tòa.

3. Hà Thị T – Sinh năm 1992; Số CCCD: 038192012095

Nơi ĐKNKTT: Thôn V, xã A, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hà Thọ N, sinh năm 1961 và bà Lê Thị D1, sinh năm 1964; Gia đình có 4 anh em, bị cáo là con thứ 3; chồng Trần Hữu M, sinh năm 1985 và có 2 con lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 30/9/2024 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh T. Có mặt tại phiên tòa.

4. Hà Văn L1 – Sinh năm 1986; Số CCCD: 038086016537

Nơi ĐKNKTT: Số nhà D phố G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn B, sinh năm 1950 và bà Lê Thị N1, sinh năm 1954; Gia đình có 5 anh em, bị cáo là con thứ 5; vợ Lò Thị Q, sinh năm 1986 và có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 09/8/2007 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ". Đã xóa án tích

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 29/9/2024 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại T, Trại tạm giam công an tỉnh T. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các lài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 30 ngày 29/9/2024, Tổ công tác Công an huyện T, tỉnh Thanh Hóa phối hợp với Công an thị trấn T làm nhiệm vụ tại khu vực Tổ dân phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, phát hiện Lê Viết D có biểu hiện liên quan đến ma túy, tiến hành kiểm tra phát hiện trong hộc gạch trên tường ngay vị trí D ngồi có 01 túi ni lông màu trắng, bên trong có chứa 06 viên nén màu hồng; 01 gói ni lông màu trắng, bên trong có 01 túi ni lông màu trắng chứa chất rắn màu trắng dạng tinh thể. D khai nhận đây là ma túy (hồng phiến và ma túy đá), D mua của Lê Văn P với số tiền là 700.000 đồng và nhờ Hà Văn L1 mua với số tiền 1.000.000 đồng, mục đích để bán và sử dụng.

Tổ công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ số ma túy trên và 01 điện thoại Nokia màu đỏ; 01 điện thoại OPPO F11 màu xanh đen của D.

Lê Văn P khai nhận: Khoảng 16 giờ, ngày 29/9/2024, Lê Viết D gọi điện thoại cho Lê Văn P hỏi mua 700.000 đồng ma túy đá, P đồng ý rồi gọi điện thoại liên lạc với Hà Thị T mua 300.000 đồng ma túy đá để bán lại cho D. Sau đó, D gọi điện lại cho P hẹn đến cửa hàng điện thoại Duy T1 của anh Lê Văn T2, sinh năm 1991 ở thôn G, xã A, huyện T đề đưa tiền nên P nhờ Lương Đình T3, sinh năm 2002 người cùng xã đến nhà đưa P đi gặp D. Đến nơi, P nhận 700.000 đồng mua ma túy từ D và hẹn khi nào có ma túy sẽ gọi điện thoại cho D, còn P vào gặp anh L2 nhỏ chuyển số tiền 300.000 đồng vào tài khoản của T. Sau khi T nhận được tiền, T bảo P đến cây cột điện đối diện cổng nhà T lấy ma túy. Lấy được ma túy, T3 chở P đến chợ C, thị trấn T đưa ma túy cho D rồi đi về nhà. Việc mua bán ma túy giữa P, T và D thì T3 không biết. Số tiền 400.000đ đồng thu lời, Phúc tiêu cá nhân hết. Sau khi nghe tin D bị bắt, P đến Công an huyện T đầu thú và giao nộp 01 điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu VSMSRT, số IMEI: 359562611705977/00.

Hà Thị T khai nhận: Sau khi nhận số tiền 300.000 đồng bán ma túy cho P, T đi đến khu vực cầu vượt thuộc xã Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa gặp một người đàn ông tên T4 không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể mua 300.000 đồng ma túy, người đàn ông đưa cho T 01 túi ni lông màu trắng bên trong có chứa ma túy đá và 01 viên hồng phiến. Về nhà, T lấy ra 01 viên hồng phiến và một ít ma túy đá để sử dụng, số ma túy còn lại T giấu vào bao thuốc lá Thăng Long để ở cây cột điện đối diện cổng nhà T rồi gọi điện cho P đến lấy. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của T, Cơ quan điều tra thu giữ: 02 viên đạn có ký hiệu "H' và 01 viên đạn có ký hiệu "p" trong ống luồng dưới mái nhà kho trước nhà; 01 túi ni lông màu hồng, 01 cóng thủy tinh màu trắng trong giỏ trên giá phía sau nhà; 01 điện thoại OPPO màu xanh, đã qua sử dụng để trên bàn trong phòng khách .

Hà Văn L1 khai nhận: Khoảng 16 giờ, ngày 29/9/2024, Lê Viết D gọi điện và nhắn tin từ Facebook "Cậu ba họ lễ" của D đến Facebook "Yêu người bạn thân" của Hà Văn L1, đồng thời chuyển số tiền 1.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của L1 nhờ mua hồng phiến (ma túy). Sau đó, L1 gọi điện thoại đến số thuê bao 0356.379.341 của một người nam giới không biết tên, tuổi, địa chỉ hỏi mua 1.000.000 đồng hồng phiến thì người này yêu cầu L1 chuyển tiền vào tài khoản có nickname "anhem 1991" được liên kết với tài khoản số 00005247189 mở tại Ngân hàng T6, chủ tài khoản là TA TUAN TU. Khi chuyển tiền xong, L1 gọi điện thoại lại cho người này và được hướng dẫn đến gốc cây xà cừ gần khu vực sân bóng xã Đ, TP . lấy 01 gói giấy màu trắng, bên trong có chứa 01 túi nilong màu trắng, trong túi ni lông có chứa 06 viên hồng phiến đem về đưa cho D. Hà Văn L1 mua ma túy cho D để D sử dụng chứ không biết mục đích D bán để kiếm lời. Khi nghe tin D bị bắt, Hà Văn L1 đến Công an huyện T đầu thú và giao nộp 01 điện thoại di động OPPO A94 màu đen.

Bản Kết luận giám định số 3690/KL-KTHS ngày 08/10/2024 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: 06 viên nén màu hồng của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,591g, loại Methamphetamine; Chất rắn màu trắng dạng tinh thể của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy có tổng khối lượng là 0,072g, loại Methamphetamine.

Bản kết luận giám định số 4505/KL-KTHS ngày 25/11/2024 của Phòng K Công an tỉnh T; kết quả sao kê tài khoản ngân hàng; lịch sử liên lạc thoại và tin nhắn...: Có nội dung liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Bản kết luận giám định số 4603/KL-KTHS ngày 03/12/2024, kết luận: 02 viên đạn có ký hiệu "H và một viên đạn có ký hiệu "$" đều là đạn thể thao cỡ 5,6x15,5mm.

Vật chứng và đồ vật, tài liệu thu giữ, xử lý: Chuyển số ma túy còn lại đựng trong 01 phong bì do Công an tỉnh T phát hành có ghi chữ "KL số 4603/KL-KTHS", được dán kín, niêm phong đến Chi cục Thi hành án dân sự chờ xử lý theo quy định.

Chuyển 01 phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng K Công an tỉnh T phát hành, được dán kín đến kho vật chứng và tài liệu, đồ vật của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh.

*Cáo trạng số 41/ CT - VKS –TS, ngày 21/3/2025 của Viện kiểm sát nhân

dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa truy tố các bị cáo Lê Viết Dũng, Lê Văn Phúc và Hà Thị T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Hà Văn L1 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử.

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Lê Viết D, Lê Văn P và Hà Thị T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; bị cáo Hà Văn L1 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Hình phạt đối với Lê Viết D từ 33 tháng đến 36 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2024.

Hình phạt đối với Lê Văn P từ 24 tháng đến 27 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2024.

Hình phạt đối với Hà Thị T từ 24 tháng đến 27 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/9/2024.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Hình phạt đối với Hà Văn L1 từ 12 tháng đến15 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2024.

- Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy số lượng ma túy còn lại sau giám định

- Tịch thu tiêu hủy 01 cóng thủy tinh, 01 túi nilong màu hồng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 viên đạn có ký hiệu "H' và 01 viên đạn có ký hiệu "p".

- Tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà nước 5 điện thoại di động các loại.

- Truy thu của Lê Văn P 400.000đ nộp ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa các bị cáo đều nhận tội, thống nhất về tội danh, điều luật áp dụng theo bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận đối với Viện kiểm sát, lời nói sau cùng các bị cáo rất ân hận và mong Hội đồng xét xử cho hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đều đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy

định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo Lê Viết D, Lê Văn P, Hà Thị T và Hà Văn L1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như sau:

Vào hồi 18 giờ 30 phút, ngày 29/9/2024, tại hộc gạch trên tường thuộc tổ dân phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, Lê Viết D có hành vi tàng trữ 0,663g ma túy loại methamphetamine, mục đích để sử dụng và bán kiếm lời; Lê Văn P có hành vi mua 0,072g ma túy loại methamphetamine của Hà Thị Tuyết B1 lại cho Lê Viết D kiếm lợi; Hà Thị T có hành vi bán trái phép 0,072g ma túy loại methamphetamine cho Lê Văn P kiếm lời; Hà Văn L1 có hành vi mua 0,591g ma túy loại methamphetamine cho Lê Viết D để D sử dụng, không biết mục đích D bán kiếm lời.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản phạm tội quả tang, kết luận giám định, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Lê Viết D, Lê Văn P và Hà Thị T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; Hà Văn L1 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, ma túy còn là tệ nạn xã hội, hủy hoại con người về thể chất, tinh thần và là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Các bị cáo tuổi đời còn trẻ, nhận thức được tính nguy hiểm và biết rõ ma túy có tác hại nghiêm trọng trong đời sống xã hội nhưng vẫn bất chấp pháp luật, không chịu tu dưỡng, rèn luyện. Do đó cần xử các bị cáo mức án nghiêm để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này Lê Viết D là người nhờ P, L1 mua ma túy về sử dụng và để bán kiếm lời nên chịu trách nhiệm chính trong vụ án; Lê Văn P mua ma túy của T bán lại cho D kiếm lời, Hà Thị T sau khi được P nhờ đã đi mua ma túy cho P và hưởng lợi nên chịu trách nhiệm ngang nhau và sau bị cáo D.

Hà Văn L1 mua ma túy hộ cho D để D sử dụng, không biết D mua để bán kiếm lời nên L1 phải chịu trách nhiệm độc lập về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo P, T, L1 sau khi phạm tội đã ra đầu thú; bị cáo Hà Văn L1 có anh trai bố là liệt sỹ, hiện bị cáo đang thờ cúng; bị cáo Lê Văn P có bố, mẹ đều được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì, có mẹ được hưởng chế độ thương tật 4/4, bị cáo D có thời gian phục vụ trong quân đội đã được xuất ngũ. Là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, căn cứ vào tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, nhân thân các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, do đó cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo L1 thuộc diện hộ nghèo, các bị cáo đều không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Xử lý vật chứng*:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy số lượng ma túy còn lại sau giám định;
- Tịch thu tiêu hủy 01 cóng thủy tinh màu trắng, 01 túi ni long màu trắng;
- Tịch thu tiêu hủy 01 viên đạn có ký hiệu "H' và 01 viên đạn có ký hiệu "p".
- Tịch thu phát mại 4 điện thoại của các bị cáo D, P, T và L1 phát mại nộp ngân sách Nhà nước, do liên quan đến hành vi phạm tội.
- Trả lại cho bị cáo D 01 điện thoại di động N2 do không liên quan đến hành vi phạm tội.

[7] Về nguồn gốc ma túy:

Đối với nguồn gốc số ma túy Hà Văn L1 mua hộ Lê Viết D, L1 khai mua của một người nam giới không biết tên, tuổi, địa chỉ, sử dụng số thuê bao 0356.379341; tài khoản Ngân hàng T6 "anhem 1991". Cơ quan điều tra tiến hành xác minh, chủ thuê bao 0356.379341 là Lê Thị H, sinh năm 1952, địa chỉ tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa; còn tài khoản "anhem 1991" là tài khoản nickname liên kết với tài khoản số 00005247189 mở tại T6, chủ tài khoản là TA TUAN TU, sinh năm 1996, địa chỉ liên hệ Phường K, TP ., tỉnh Lào Cai; số điện thoại liên hệ 0345719653, nên Cơ quan điều tra không xác định được đối tượng này là ai để xử lý.

Đối với nguồn gốc ma túy Hà Thị T bán cho cho Lê Văn P, T khai mua của một người tên T4 ở thành phố T không biết họ tên, tuổi và địa chỉ cụ thể, Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh, xử lý.

Đối với 02 viên đạn có ký hiệu "H' và 01 viên đạn có ký hiệu "*"; 01 cóng thủy tinh thu giữ khi khám xét khẩn cấp chỗ ở của Hà Thị T, T không biết là của ai, để từ khi nào nên không có căn cứ xử lý.

[8] Lương Đình T3 dùng xe mô tô chở Lê Văn P nhưng không biết việc P đi mua ma túy và bán cho Lê Viết D nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

[9] Về án phí*:* Các bị cáo Lê Viết D, Lê Văn P và Hà Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Hà Văn L1 thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin được miễn tiền án phí nên không phải chịu án phí HSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 251, Điều 249 Bộ luật hình sự

Tuyên bố:

Các bị cáo Lê Viết D, Lê Văn P và Hà Thị T, phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; Bị cáo Hà Văn L1 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Viết D: 33 (ba mươi ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2024.

Xử phạt bị cáo Lê Văn P: 24 (hai mươi tư) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2024.

Xử phạt bị cáo Hà Thị T: 27 (hai mươi bảy) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/9/2024.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hà Văn L1: 12 (mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2024

- Vật chứng: Áp dụng điểm b, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy số lượng ma túy còn lại sau giám định
- Tịch thu tiêu hủy 01 cóng thủy tinh màu trắng, 01 túi ni long màu trắng
- Tịch thu tiêu hủy 01 viên đạn có ký hiệu "H' và 01 viên đạn có ký hiệu "p".
- Tịch thu phát mại nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại OPPO F11 màu xanh đen của Lê Viết D; 01 điện thoại nhãn hiệu VSMSRT màu xanh của Lê Văn P; 01 điện thoại OPPO màu xanh của Hà Thị T và 01 điện thoại OPPO A94 màu đen của Hà Văn L1.
- Truy thu 400.000đ của Lê Văn P nộp ngân sách Nhà nước,
- Trả lại cho bị cáo Lê Viết D 01 điện thoại NOKIA màu đỏ.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 44 – VC/2025 ngày 02/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn)

- Về án phí: Áp dụng điều 135, 136, Điều 333 BLTTHS; Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 21 Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH. Buộc bị cáo Lê Viết D, Lê Văn P và Hà Thị T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hà Văn L1.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh TH;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND Triệu Sơn;
- Công an Triệu Sơn;
- Thi hành án DS Triệu Sơn;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Lan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Mạnh Hùng Lê Thị M1 **Lê Thị Lan**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**